

Số: 1192/QĐ-ĐHM

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh sách các Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 4899/2024/NQ-ĐHM-HĐT ngày 01/11/2024 của Hội đồng Trường trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-ĐHM ngày 06/6/2022 của Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy định công tác sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ vào biên bản họp ngày 27/3/2025 của Hội đồng xét duyệt hồ sơ sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội;

Xét đề nghị của Trường Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 238 sinh viên tại các Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường (có danh sách kèm theo) được hưởng miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Điều 2. Các sinh viên được nhận tiền miễn, giảm học phí trực tiếp từ Nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường Phòng Kế hoạch - Tài chính, các Trường Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường và các sinh viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. CTCT&SV.

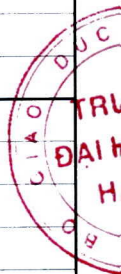
HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS Nguyễn Thị Nhung

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết Định số 11.922/QĐ - ĐHM ngày 27 tháng 3 năm 2025)

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
1	1	Trần Ngọc Lâm	20A60010027	22/01/2002	K28ĐH	TDCN	2020 - 2025	Con thương binh	100%	
2	2	Mông Nhật Lệ	20A60010164	23/01/2002	K28ĐH	TDCN	2020 - 2025	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
3	3	Nguyễn Thái Sơn	24A6301D0162	18/09/2006	K32ĐH	TDCN	2020-2025	Người khuyết tật	100%	
4	4	Phạm Nhật Minh	20A60010182	25/06/2002	K28TT	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
5	5	Hoàng Đức Duy	20A60010176	14/10/2002	K28NT	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
6	6	Quảng Văn Sơn	20A60010163	25/10/2002	K28ĐH 2	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
7	7	Vũ Ngọc Trâm	23A1501D0024	09/08/05	K31Ktr	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
8	8	Phạm Quỳnh Chi	20A60010049	31/07/2002	K28ĐH 1	TDCN	2021 - 2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
9	9	Phạm Ngọc Huyền	21A600100103	29/08/2023	K29ĐH 1	TDCN	2023-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
10	10	Nguyễn Đức Huynh	23A6001D0132	16/03/2025	K31ĐH	TDCN	2024 - 2029	Con của người bị TNLĐ	50%	
11	1	Nguyễn Phương Anh	22A4201D0015	17/07/2004	K31QT2	Kinh tế	2022- 2026	Con thương binh	100%	
12	2	Trương Thị Trà	23A4201D0294	27/06/2005	K32QT1	Kinh tế	2023 - 2027	Con Thương binh	100%	
13	3	Nguyễn Quang Tùng	24A4701D0106	18/03/2006	K33TM1	Kinh tế	2024 - 2028	Con bệnh binh	100%	
14	4	Vũ Thị Trang	24A4701D0103	05/08/2006	K33TM2	Kinh tế	2024 - 2028	Con thương binh	100%	
15	5	Giảng Phương Vy	24A4201D0331	16/09/2006	K33QT1	Kinh tế	2021 - 2025	Con thương binh	100%	
16	6	Nguyễn Đình Lâm Hoàng	22A4701D0048	17/06/2004	K31TMĐT2	Kinh tế	2023 - 2027	Con thương binh	100%	
17	7	Vương Gia Duy	23A4101D0054	06/09/2005	K32KT1	Kinh tế	2022 - 2026	Người khuyết tật	100%	
18	8	Tăng Thị Yến Nhi	23A4201D0210	03/03/2005	K32QT4	Kinh tế	2022 - 2026	Mồ côi cha mẹ	100%	
19	9	Lưu Thanh Tâm	22A4101D0227	22/11/2004	K31KT3	Kinh tế	2022-2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
20	10	Bùi Ngọc Ánh	22A4201D0025	04/03/2004	K31QT1	Kinh tế	2022-2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
21	11	Trần Thị Thanh Diệu	22A4201D0047	01/09/2003	K31QT2	Kinh tế	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
22	12	Bùi Thị Mai Phương	22A4701D0093	11/10/2004	K31TM 02	Kinh tế	2023-2027	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
23	13	Vang Thị Ngọc Mai	23A4201D0170	08/04/2005	K32QT2	Kinh tế	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
24	14	Triệu Thanh Hải	23A4701D0022	28/06/2005	K32TM1	Kinh tế	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
25	15	Ma Tiến Dũng	24A4201D0074	05/08/2006	K33QT4	Kinh tế	2021 - 2025	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
26	16	Lương Thị Thùy Trang	24A4201D0299	04/10/2006	K33QT1	Kinh tế	2021 - 2025	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
27	17	Sín Thị Ánh Ngọc	21A410100230	02/12/2003	K30KT4	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	



STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
28	18	Hoàng Thị Mai Hương	21A420100151	31/10/2003	K30QT1	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
29	19	Lù Thị Hằng	21A420100365	05/07/2003	K30QT2	Kinh tế	2022 - 2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
30	20	Hoàng Kim Huệ	22A4101D0104	26/03/2004	K31KT1	Kinh tế	2022 - 2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
31	21	Nguyễn Thùy Dương	22A4201D0068	03/07/2004	K31QT4	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
32	22	Hoàng Thị Thu Thủy	22A4201D0281	25/06/2004	K31QT4	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
33	23	Lưu Thị Ngọc Mai	23A4101D0162	23/03/2005	K32 KT1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
34	24	Phản Thị Đánh	23A4101D0042	01/12/2005	K32 KT3	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
35	25	Hà Thị Khánh Ly	23A4201D0158	29/07/2005	K32QT1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
36	26	Đinh Nguyễn Chí Dũng	23A4701D0018	30/08/2005	K32TM1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
37	27	Hùng Thị Huyền Thương	23A4701D0087	14/10/2005	K32TM1	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
38	28	Lý Hồ Sun	23A4701D0080	01/02/2005	K32TM2	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
39	29	Lộc Văn Kiên	23A4101D0119	20/08/2005	K32KT2	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt	70%	
40	30	Bùi Thị Thúy Đào	24A4101D0046	05/09/2006	K33KT1	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
41	31	Ngô Như Bảo	24A4201D0044	06/03/2006	K33QT3	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
42	32	Ma Bá Cường	24A4701D0016	03/04/2006	K33TM2	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
43	33	Hoàng Đức Khánh	23A4201D0119	19/01/2005	K32QT2	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
44	34	Bàn Tiến Hiếu	22A4201D0094	16/05/2004	K31QT1	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
45	35	Phan Huy Hoàng	22A420100103	03/06/2004	K31QT3	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
46	36	Tạ Thị Kiều Trang	23A4201D0310	23/09/2005	K32QT4	Kinh tế	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
47	37	Phan Anh Thư	21A420100303	06/12/2003	K30QT2	Kinh tế	2023 - 2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
48	38	Cao Thị Kiều Oanh	23A4701D0065	03/02/2005	K32TM2	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
49	39	Bùi Thị Xuân Hào	23A4201D0080	11/02/2005	K32QT3	Kinh tế	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	
50	40	Mai Thị Phương	24A4201D0225	09/08/2006	K33QT3	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
51	41	Nguyễn Ngọc Hải	24A4201D0100	02/09/2004	K33QT2	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
52	42	Nguyễn Ngọc Trinh	24A4201D0308	26/08/2006	K33QT2	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
53	1	Nguyễn Chiến Công	22A4501D0054	14/08/2004	K15-2245A112	TCNH	2022-2026	Con thương binh	100%	
54	2	Lê Thị Minh Hằng	23A4501D0109	22/09/2005	K16-2345A014	TCNH	2023-2027	Con thương binh	100%	
55	3	Đỗ Thị Phương Thảo	23A4501D0326	08/10/2005	K16-2345A011	TCNH	2023-2027	hóa học	100%	
56	4	Lò Sơn Quỳnh	23A4501D0303	27/02/2005	K16-2345A015	TCNH	2023-2027	Người khuyết tật	100%	
57	5	Nguyễn Thị Thanh Hậu	23A4501D0117	25/11/2005	K16-2345A011	TCNH	2023-2027	Mồ côi cha mẹ	100%	
58	6	Đặng Thị Hương Lan	24A4501D0202	07/02/2006	K17-2445A013	TCNH	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
59	7	Lương Thanh Chúc	22A4501D0053	02/02/2024	K15-2245A011	TCNH	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
60	8	Triệu Thị Nguyệt	22A4501D0258	08/12/2004	K15-2245A014	TCNH	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
61	9	Bùi Thị Thích	23A4501D0336	24/09/2005	K16-2345A011	TCNH	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
62	10	Lý Mạnh Hùng	24A4501D0164	18/10/2005	K17-2445A014	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
63	11	Lục Ngọc Anh	24A4501D0017	10/4/2005	K17-2445A014	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
64	12	Vũ Ngọc Thoa	24A4501D0388	11/12/2006	K17-2445A015	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
65	13	Bùi Chí Khiêm	24A4501D0196	03/05/2006	K17-2445A016	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
66	14	Ngô Thùy Dương	23A4501D0086	11/02/2005	K16-2345A014	TCNH	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
67	15	Đỗ Duy Thái	23A4501D0319	29/12/2005	K16-2345A012	TCNH	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
68	16	Lê Quỳnh Trang	23A4501D0363	18/09/2005	K16- 2345A011	TCNH	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
69	17	Nguyễn Duy Đăng	24A4501D0077	03/05/2006	K17-2445A015	TCNH	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
70	1	Nguyễn Đức Phúc	21A500100159	20/12/2003	2150A02	Luật	2021-2025	Con thương binh	100%	
71	2	Nguyễn Diệu Thương	23A5001D0281	16/02/2005	2350A02	Luật	2023-2027	Con thương binh	100%	
72	3	Nguyễn Đức Anh	23A5101D0013	21/07/2005	2351A02	Luật	2023-2027	Con bệnh binh	100%	
73	4	Đỗ Minh Hiếu	23A5101D0089	09/06/2005	2351A01	Luật	2023-2027	Con bệnh binh	100%	
74	5	Trần Thị Duyên	24A5101D0068	03/08/2006	2451A02	Luật	2024-2028	Con thương binh	100%	
75	6	Vũ Lê Ngọc Linh	24A5101D0159	23/12/2006	2451A02	Luật	2024-2028	Con thương binh	100%	
76	7	Nguyễn Phương Thảo	24A5201D0131	03/11/2006	2452A01	Luật	2024-2028	Con thương binh	100%	
77	8	Đào Thị Thanh Thư	24A5201D0140	15/10/2006	2452A01	Luật	2024-2028	Con bệnh binh	100%	
78	9	Lê Thị Hà Vy	24A5101D0318	25/04/2006	2451A02	Luật	2024-2028	Con bệnh binh	100%	
79	10	Vũ Thị Cẩm Ly	23A5001D0195	20/09/2005	2350A02	Luật	2023-2027	Con người nhiễm chất độ hóa học	100%	
80	11	Phạm Mai Lan	24A5001D0355	08/09/2006	2450A03	Luật	2024-2028	Con người nhiễm chất độ hóa học	100%	
81	12	Trần Hà Phương Nhi	21A520100057	18/08/2003	2152A01	Luật	2021-2025	Mồ côi cha mẹ	100%	
82	13	Tạ Thị Phương Giang	22A5001D0070	17/06/2005	2250A02	Luật	2022-2026	Mồ côi cha mẹ	100%	
83	14	Triệu Thụy Trinh	24A5101D0299	25/10/2006	2451A01	Luật	2024-2028	Mồ côi cha mẹ	100%	
84	15	Nguyễn Văn Châu	22A5101D0029	30/06/2004	2250A01	Luật	2022-2026	Mồ côi mẹ, không có cha	100%	
85	16	Lưu Bảo Ngọc	21A520100120	15/10/2003	2152A01	Luật	2021-2025	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
86	17	Ngọc Thị Kim Yến	24A5101D0325	16/01/2006	2451A03	Luật	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
87	18	Lý Thu Hằng	19A51010241	17/03/2001	1951A03	Luật	2019-2023	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
88	19	Bùi Thành Đạt	24A5101D0051	07/10/2006	2451A01	Luật	2024-2028	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
89	20	Hà Ngọc Chinh	20A51010237	20/08/2001	2051A01	Luật	2020-2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
90	21	Đường Thị Ngoan	21A520100053	28/06/2003	2152A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
91	22	Nông Ngọc Diệp	21A500100043	05/08/2003	2150A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
92	23	Lý Thị Ngọc Thúy	21A500100305	04/04/2003	2150A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
93	24	Vương Lê Phương Thảo	21A510100314	14/12/2003	2151A02	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
94	25	Bế Hương Ly	21A520100116	05/11/2003	2152A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
95	26	Lò Thị Huyền Trang	22A5001D0256	03/09/2004	2250A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
96	27	Vừ Thị My	22A5001D0170	28/08/2004	2250A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
97	28	Phạm Anh Thư	22A5001D0242	07/09/2004	2250A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
98	29	Bùi Thị Hiền	22A5001D0087	14/11/2004	2250A02	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
99	30	Mã Bảo Uyên	22A5101D0278	19/04/2003	2251A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
100	31	Hoàng Thị Anh Thư	22A5101D0242	10/04/2002	2251A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
101	32	Đinh Dương Quang Minh	23A5001D0201	17/06/2005	2350A02	Luật	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
102	33	Lê Thị Như Quỳnh	23A5101D0216	12/11/2005	2351A02	Luật	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
103	34	Lê Thị Thảo Huyền	23A5201D0063	06/11/2004	2352A01	Luật	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
104	35	Triệu Thị Hương	24A5101D0115	05/11/2006	2451A03	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
105	36	Chào Cờ Mây	24A5101D0178	26/06/2006	2451A01	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
106	37	Vi Thị Chi	24A5001D0062	09/06/2006	2450A02	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
107	38	Trần Ngọc Kim Thoa	24A5201D0137	20/10/2006	2452A01	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
108	39	Đàm Thế Dương	24A5101D0062	15/09/2006	2451A03	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
109	40	Lê Thị Phương Linh	21A510100284	16/08/2003	2151A01	Luật	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
110	41	Vũ Thu Hiền	21A510100086	14/09/2003	2151A01	Luật	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
111	42	Nguyễn Đỗ Mai Chi	21A520100013	18/05/2003	2152A01	Luật	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
112	43	Nguyễn Thanh Vân	24A5101D0312	02/08/2006	2451A03	Luật	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	
113	44	Nguyễn Thị Hà Phương	21A500100164	31/07/2003	2150A01	Luật	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
114	45	Vũ Phương Thảo	22A5001D0239	21/10/2004	2250A02	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
115	46	Đậu Diệu Quyên	22A5001D0208	06/01/2004	2250A02	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
116	47	Nguyễn Minh Ngọc	22A5101D0177	22/01/2004	2251A01	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
117	48	Nguyễn Thị Trang Nhung	22A5101D0188	29/05/2003	2251A02	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
118	1	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22A3201D0069	29/02/2004	2232A01	CNSH&CNT	2022-2027	Người khuyết tật	100%	
119	2	Phạm Thị Thanh Hoa	22A3201D0037	05/02/2004	2232A01	CNSH&CNT	2022-2027	hành án phạt tù tại trại giam	100%	
120	3	Vi Thị Thanh Thuý	23A3101D0087	23/05/2005	2331A01	CNSH&CNT	2022-2027	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
121	4	Triệu Thị Minh Anh	21A310100083	28/08/2002	2131A01	CNSH&CNTP	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
122	1	Lê Thành Trung	20A10010009	12/04/02	2010A03	CNTT	2020-2024	Con thương binh	100%	
123	2	Đinh Nhật Thành	20A10010332	26/12/2002	2010A03	CNTT	2020-2024	Con thương binh	100%	
124	3	Bùi Văn Phúc	22A1001D0251	06/12/2004	2210A04	CNTT	2022-2026	Con thương binh	100%	
125	4	Lê Nhựt Trung	24A1001D0412	18/03/2006	2410A04	CNTT	2024-2028	Con thương binh	100%	
126	5	Đào Xuân Tuấn	24A1001D0420	17/04/2006	2410A06	CNTT	2024-2028	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	100%	
127	6	Lê Trọng Thắng	20A10010252	17/06/2002	2010A02	CNTT	2020-2024	Người khuyết tật	100%	
128	7	Nguyễn Thùy Trang	20A10010092	04/11/2001	2010A04	CNTT	2020-2024	Người khuyết tật	100%	
129	8	Nguyễn Duy Anh	22A1001D0012	20/09/2004	2210A03	CNTT	2022-2026	Người khuyết tật	100%	
130	9	Nguyễn Ngọc Duy	23A1001D0105	17/10/2005	2310A03	CNTT	2023-2027	Người khuyết tật	100%	
131	10	Nguyễn Đức Phong	24A1001D0322	10/12/2006	2410A06	CNTT	2024-2028	Người khuyết tật	100%	
132	11	Bùi Khánh Linh	19A10010151	24/09/2001	1910A03	CNTT	2019-2023	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
133	12	Bùi Thị Hoài Thu	20A10010390	20/05/2002	2010A01	CNTT	2020-2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
134	13	Ma Thị Sú	22A1001D0290	11/11/2004	2210A01	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
135	14	Hà Thị Thu Nhất	22A1001D0238	22/08/2004	2210A01	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
136	15	Đặng Thị Minh Thư	22A1001D0309	19/07/2004	2210A03	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
137	16	Nguyễn Minh Quân	22A1001D0271	22/12/2004	2210A05	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
138	17	Dương Xuân Quý	22A1001D0281	17/08/2004	2210A05	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
139	18	Hoàng Tuấn Khanh	22A1001D0167	15/10/2004	2210A06	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
140	19	Nông Tiến Mạnh	24A1001D0282	05/01/2006	2410A06	CNTT	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
141	20	Vũ Đức Đạt	22A1001D0064	22/06/2004	2210A06	CNTT	2022-2026	Mồ côi cha mẹ	100%	
142	21	Hà Văn Thắng	23A1001D0332	03/03/2005	2310A04	CNTT	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
143	22	Nông Văn Hiệp	21A100100127	06/08/2003	2110A05	CNTT	2021-2025	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
144	23	Trần Văn Dũng	23A1001D0092	14/12/2005	2310A02	CNTT	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
145	24	Đỗ Đăng Nguyên	21A100100271	27/01/2003	2110A01	CNTT	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
146	25	Phan Hữu Quân	21A100100308	16/05/2003	2110A03	CNTT	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
147	26	Nguyễn Huy Hoàng	23A1001D0155	22/10/2005	2310A04	CNTT	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
148	27	Phạm Đức Nam	23A1001D0263	10/08/2005	2310A06	CNTT	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
149	28	Cù Ngọc Anh	23A1001D0421	04/05/2005	2310A06	CNTT	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
150	29	Lê Thanh Thảo	24A1001D0380	08/02/2006	2410A04	CNTT	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
151	1	Kiều Đức Thắng	21A170100244	07/12/2003	K24-TĐH1	Điện-Điện tử	2021-2025	Con bệnh binh	100%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
152	2	Đinh Trọng Toàn	21A170100258	14/12/2003	K24-TĐH3	Điện-Điện tử	2021-2025	Con thương binh	100%	
153	3	Trần Đức Trung	22A1201D0230	19/06/2004	K25-ĐT2	Điện-Điện tử	2022-2027	Con thương binh	100%	
154	4	Phạm Tiến Sang	22A1701D0198	28/08/2004	K25-TĐH1	Điện-Điện tử	2022-2027	Con thương binh	100%	
155	5	Nguyễn Duy Tiên	22A1201D0217	19/11/2004	K25-ĐT3	Điện-Điện tử	2022-2027	Con thương binh	100%	
156	6	Ngô Khải Hoàn	24A1701D0108	10/08/2006	K27-TĐH2	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con thương binh	100%	
157	7	Lý Hoàng Hiệp	21A120100108	24/03/2003	K24-ĐT2	Điện-Điện tử	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
158	8	Hoàng Quốc Tấn	23A1701D0195	26/06/2005	K26-TĐH3	Điện-Điện tử	2023-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
159	9	Hà Đình Thương	23A1701D0214	15/02/2005	K26-TĐH3	Điện-Điện tử	2023-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
160	10	Hoàng Trung Kiên	24A1201D0159	16/01/2006	K27-ĐT3	Điện-Điện tử	2024-2029	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
161	11	Phan Tiến Dũng	21A120100050	28/10/2003	K24-ĐT2	Điện-Điện tử	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
162	12	Ngô Văn Lâm	21A120100166	17/10/2003	K24-ĐT2	Điện-Điện tử	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
163	13	Phùng Hữu Đại	21A120100066	28/10/2003	K24-ĐT3	Điện-Điện tử	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
164	14	Trần Ngọc Đạt	21A170100062	20/10/2003	K24-TĐH3	Điện-Điện tử	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
165	15	Nguyễn Ngọc Tùng	22A1201D0258	24/06/2004	K25-ĐT1	Điện-Điện tử	2022-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
166	16	Hà Văn Tuấn	22A1201D0238	16/08/2003	K25-ĐT2	Điện-Điện tử	2022-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
167	17	Ngô Thu Hương	22A1701D0110	08/11/2004	K25-TĐH1	Điện-Điện tử	2022-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
168	18	Vũ Tiến Tài	23A1701D0191	12/09/2005	K26-TĐH1	Điện-Điện tử	2023-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
169	19	Lê Xuân Quyền	23A1701D0183	09/03/2005	K26-TĐH2	Điện-Điện tử	2023-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	
170	20	Trần Anh Tuấn	24A1201D0275	14/08/2006	K27-ĐT1	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con của người bị TNLĐ	50%	
171	21	Nguyễn Hoài Nam	24A1201D0194	13/09/2006	K27-TĐH1	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con của người mắc bệnh NN	50%	
172	22	Nguyễn Thị Minh Tâm	24A1701D0216	30/06/2006	K27-TĐH2	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con của người bị TNLĐ	50%	
173	23	Nguyễn Việt Anh Quân	24A1201D0221	01/04/2006	K27-ĐT1	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con của người mắc bệnh NN	50%	
174	1	Hoàng Thị Thảo	21A480100067	30/04/2003	2148A01	Du lịch	2021-2025	Con bệnh binh	100%	
175	2	Lương Thùy Dương	22A4601D0048	31/10/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
176	3	Hoàng Thị Dung	21A460100069	25/06/2003	2146A02	Du lịch	2021-2025	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
177	4	Mai Thị Thu Hương	22A4601D0073	28/08/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	SV đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	100%	
178	5	Phùng Thị Lan Anh	23A4801D0019	30/08/2005	2348A02	Du lịch	2023-2027	Người khuyết tật	100%	
179	6	Ma Nhân Bắc	24A4801D0028	13/02/2006	2448A02	Du lịch	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
180	7	Giáp Thị Thảo	22A4601D0192	11/04/2004	2246A01	Du lịch	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
181	8	Nguyễn Tuyết Mai	23A4601D0136	28/09/2005	2346A01	Du lịch	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
182	9	Mã Diệu An	24A4601D0001	12/06/2005	2446A01	Du lịch	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
183	10	Chu Thị Viễn	24A4601D0288	19/01/2005	2446A02	Du lịch	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
184	11	Hà Mai Anh	22A4801D0008	04/10/2004	2248A01	Du lịch	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
185	12	Nguyễn Ngọc Diệp	22A4801D0030	27/11/2004	2248A01	Du lịch	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
186	13	Lê Thanh Thảo	21A460100327	05/07/2003	2146A04	Du lịch	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
187	14	Phạm Thị Khánh Linh	21A460100210	25/07/2003	2146A02	Du lịch	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
188	15	Vũ Thị Bình Chi	22A4601D0030	01/02/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	Con của người mắc bệnh NN	50%	
189	16	Vũ Thị Ngọc Anh	23A4601D0021	25/11/2005	2346A02	Du lịch	2023 -2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
190	1	Đinh Thúy Hường	22A7101D0139	02/02/04	K29A3	Tiếng Anh	2022-2026	Con thương binh	100%	
191	2	Nguyễn Thị Phương Thảo	24A7101D0340	24/05/2006	K31A10	Tiếng Anh	2024-2028	Con thương binh	100%	
192	3	Nguyễn Thị Minh Hằng	21A710100121	24/04/2003	K28A7	Tiếng Anh	2021-2025	Con người HDKC bị nhiễm chất độc hóa học	100%	
193	4	Hoàng Thị May	21A710100238	10/04/03	K28A6	Tiếng Anh	2021-2025	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
194	5	Ngân Trương Khánh Huyền	22A7101D0151	29/10/2004	K29A1	Tiếng Anh	2022-2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
195	6	Lường Thị Huyền	22A7101D0145	04/04/03	K29A11	Tiếng Anh	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
196	7	Lù Anh Quân	24A7101D0312	05/04/06	K31A14	Tiếng Anh	2024-2028	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
197	8	Nguyễn Thị Thùy Dương	21A710100076	17/09/2003	K28A14	Tiếng Anh	2021-2025	Mồ côi cha mẹ	100%	
198	9	Lê Thị Thùy	23A7101D0400	18/08/2005	K30A8	Tiếng Anh	2023-2027	Sinh viên khuyết tật	100%	
199	10	Lý Thị Kim Huệ	22A7101D0126	21/11/2003	K29A6	Tiếng Anh	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
200	11	Nông Khánh Linh	23A7101D0271	29/05/2005	K30A3	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
201	12	Nông Thị Hồng Diệp	23A7101D0119	27/12/2005	K30A4	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
202	13	Trương Phan Minh Tâm	23A7101D0373	19/12/2004	K30A6	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
203	14	Triệu Dung Diệp	23A7101D0118	07/10/05	K30A10	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
204	14	Bàn Kim Anh	24A7101D0047	09/06/06	K31A4	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
205	16	Đỗ Nguyệt Minh	24A7101D0246	01/04/2006	K31A8	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
206	17	La Thị Bích Phượng	24A7101D0309	02/03/2002	K31A8	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
207	18	Hoàng Tùng Dương	24A7101D0123	26/09/2006	K31A10	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
208	19	Mai Thùy Dương	24A7101D0124	30/11/2006	K31A12	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
209	20	Ninh Ngọc Mai	21A710100235	08/11/2003	K28A12	Tiếng Anh	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
210	21	Lương Thị Hồng Nhung	22A7101D0260	30/06/2004	K29A12	Tiếng Anh	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
211	22	Hoàng Phương Trang	23A7101D0418	20/05/2003	K30A5	Tiếng Anh	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
212	23	Trương Thảo Hiền	23A7101D0175	09/06/2005	K30A8	Tiếng Anh	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
213	24	Phạm Ánh Ngọc	24A7101D0279	21/02/2006	K31A9	Tiếng Anh	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
214	25	Nguyễn Hoàng Thái	24A7101D0328	16/07/2006	K31A10	Tiếng Anh	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	
215	26	Phan Ánh Nguyệt	24A7101D0283	18/10/2006	K31A12	Tiếng Anh	2024-2028	Con của người bị TNLD	50%	
216	1	Lưu Thị Khánh Ly	22A7201D0163	22/01/2004	K29T5	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con liệt sỹ	100%	
217	2	Đồng Thị Hương	22A7201D0106	12/09/2003	K29T8	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
218	3	Triệu Thị Khanh	23A7201D0133	28/10/2005	K30T8	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
219	4	Đặng Như Nguyệt	23A7201D0202	01/08/2005	K30T5	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
220	5	Chung Quế Trân	20A72010310	17/07/2002	K28T8	Tiếng Trung Quốc	2021- 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
221	6	Nguyễn Ngọc Ly	20A720100168	05/05/2003	K28T2	Tiếng Trung Quốc	2021- 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
222	7	Dương Hằng Nga	22A7201D0181	22/10/2004	K29T6	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
223	8	Vì Thị Liên	22A7201D0135	26/11/2004	K29T2	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
224	9	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22A7201D0267	11/04/2003	K29T6	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
225	10	Lưu Thị Trà My	22A7201D0177	21/01/2003	K29T7	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
226	11	Trần Thị Linh Giang	23A7201D0072	05/06/2005	K30T4	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
227	12	Nông Thị Quỳnh Nhi	23A7201D0213	07/04/2005	K30T5	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
228	13	Nông Nguyễn Trà My	24A7201D0194	05/05/2006	K31T5	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
229	14	Lương Uyên Trang	24A7201D0317	28/05/2005	K31T1	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
230	15	Nguyễn Như Quỳnh	23A7201D0213	03/07/2005	K30T4	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
231	16	La Thị Mỹ Duyên	24A7201D0064	05/08/2006	K31T3	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
232	17	Phạm Thanh Huyền	22A7201D0123	27/01/2004	K29T5	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con của người bị TNLD	50%	
233	18	Bùi Hà Phương Anh	21A7201000001	27/05/2003	K28T8	Tiếng Trung Quốc	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
234	19	Trần Thị Thu Hương	22A7201D0111	03/05/2004	K29T4	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con của người mắc bệnh NN	50%	
235	20	Bùi Ngọc Ánh	22A7201D0030	16/07/2004	K29T3	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con của người mắc bệnh NN	50%	
236	21	Trần Thị Minh Hòa	23A7201D0105	13/12/2005	K30T4	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
237	22	Nguyễn Đàm Linh	24A7201D0153	12/10/2006	K31T4	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	
238	23	Bùi Thị Phương Thảo	24A7201D0270	07/08/2006	K31T2	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	

Tổng số: 238 sinh viên./